

**DANH MỤC BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH TÂY NINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 256 /QĐ-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
A.1	THHC CẤP TỈNH		
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (Bao gồm: tiêm phòng, xét nghiệm, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật, phẫu thuật động vật; kinh doanh thuốc, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; tư vấn, dịch vụ khác có liên quan đến thú y, thú y thủy sản)	Thú y	
2	Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	
3	Thủ tục kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	Thú y	
4	Thủ tục kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	Thú y	
5	Thủ tục thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật; cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch; nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh trung động vật, sản phẩm động vật, cơ sở sản xuất thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y) do địa phương quản lý	Thú y	
6	Thủ tục cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật) do địa phương quản lý	Thú y	

7	Thủ tục kiểm tra, cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản	Thú y	
8	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý.	Thú y	
9	Thủ tục đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật do địa phương quản lý	Thú y	
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản (đối với Các cơ sở sản xuất, ương nuôi con giống; cơ sở thu gom, kinh doanh giống thủy sản; cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc địa bàn cơ quan quản lý; Khu cách ly kiểm dịch động vật thủy sản xuất, nhập khẩu, cơ sở nuôi đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh theo ủy quyền của Cục Thú y).	Thú y	
11	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản	Thú y	
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao; sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm (mang từ nước ngoài vào Việt Nam).	Thú y	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ (sản phẩm động vật trong nước)	Thú y	
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với thủy sản giống vận chuyển trong nước	Thú y	
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với thủy sản giống được đánh bắt ngoài tự nhiên vận chuyển trong nước	Thú y	
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với thủy sản thương phẩm vận chuyển trong nước	Thú y	
17	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước	Thú y	

18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản giống tại địa phương tiếp nhận	Thú y	
19	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy về giống vật nuôi nông nghiệp; thức ăn và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi; sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi; cơ sở chăn nuôi; môi trường trong sản xuất chăn nuôi, điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi (được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành) dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận	Chăn nuôi	
20	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy về giống vật nuôi nông nghiệp; thức ăn và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi; sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi; cơ sở chăn nuôi; môi trường trong sản xuất chăn nuôi, điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi (được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành) dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.	Chăn nuôi	
21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (certificate of free sale-cfs) đối với giống vật nuôi (bao gồm: phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	Chăn nuôi	
22	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (certificate of free sale-cfs) đối với giống vật nuôi (bao gồm: phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản	Chăn nuôi	

	ting, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.		
23	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	Bảo vệ thực vật	
24	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương.	Bảo vệ thực vật	
25	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
26	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
27	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả và chè.	Bảo vệ thực vật	
28	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả và chè.	Bảo vệ thực vật	
29	Thủ tục cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
30	Thủ tục cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	
31	Thủ tục công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	Trồng trọt	
32	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	Trồng trọt	
33	Thủ tục công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	Trồng trọt	
34	Thủ tục cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	Trồng trọt	

35	Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy phân bón	Trồng trọt	
36	Thủ tục thẩm định phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng	Trồng trọt	
37	Thủ tục cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập.	Lâm nghiệp	
38	Thủ tục cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các tổ chức	Lâm nghiệp	
39	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	
40	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	
41	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh	Lâm nghiệp	
42	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức.	Lâm nghiệp	
43	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề đối với chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách).	Lâm nghiệp	
44	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	
45	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép	Lâm nghiệp	

	khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức.		
46	Thủ tục phê duyệt phương án điều chế rừng của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	
47	Thủ tục phê duyệt phương án khai thác chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	
48	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức (đối với các loại lâm sản có trong danh mục cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).	Lâm nghiệp	
49	Thủ tục thẩm định phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	Lâm nghiệp	
50	Thủ tục phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	
51	Thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do thủ tướng chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
52	Thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do thủ tướng chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
53	Thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
54	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
55	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án	Lâm nghiệp	

	du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.		
56	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
57	Thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
58	Thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
59	Thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý.	Lâm nghiệp	
60	Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch rừng đặc dụng do địa phương quản lý	Lâm nghiệp	
61	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng thuộc tỉnh quản lý.	Lâm nghiệp	
62	Thủ tục cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống.	Lâm nghiệp	
63	Thủ tục cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con.	Lâm nghiệp	
64	Thủ tục công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trộ; lâm phần tuyển chọn; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	Lâm nghiệp	
65	Thủ tục chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý.	Lâm nghiệp	
66	Thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý).	Lâm nghiệp	
67	Thủ tục thẩm định và phê duyệt cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	

68	Thủ tục miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi một tỉnh).	Lâm nghiệp	
69	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác	Lâm nghiệp	
70	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu.	Lâm nghiệp	
71	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển gấu.	Lâm nghiệp	
72	Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước.	Lâm nghiệp	
73	Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại phụ lục I của Cites.	Lâm nghiệp	
74	Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại các phụ lục II và III của công ước Cites.	Lâm nghiệp	
75	Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các phụ lục của Cites.	Lâm nghiệp	
76	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt.	Lâm nghiệp	
77	Thủ tục xác nhận của chi cục kiểm lâm (nơi không có hạt kiểm lâm) đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến của tổ chức, cá nhân xuất ra; động vật rừng gầy nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu chưa qua chế biến; lâm sản sau chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các	Lâm nghiệp	

	điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh.		
78	Thủ tục đóng dấu búa kiểm lâm.	Lâm nghiệp	
79	Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức.	Lâm nghiệp	
80	Thủ tục giao rừng đối với tổ chức.	Lâm nghiệp	
81	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).	Lâm nghiệp	
82	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản.	Lâm nghiệp	
83	Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với địa phương không có hạt kiểm lâm)	Lâm nghiệp	
84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	
85	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	
86	Thủ tục đăng ký nuôi bổ sung loài động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	
87	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
88	Thủ tục xác nhận lại nội dung quảng	Quản lý Chất	

	cáo thực phẩm	lượng NLS và TS	
89	Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
90	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
91	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
92	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
93	Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm nông lâm sản.	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
94	Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy mía nguyên liệu.	Quản lý Chất lượng NLS và TS	
95	Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.	Thủy sản	
96	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.	Thủy sản	
97	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời.	Thủy sản	
98	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán.	Thủy sản	
99	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	Thủy sản	
100	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu.	Thủy sản	
101	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký	Thủy sản	

	tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu.		
102	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới.	Thủy sản	
103	Thủ tục cấp giấy chứng nhận thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên	Thủy sản	
104	Thủ tục cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.	Thủy sản	
105	Thủ tục cấp giấy phép khai thác thủy sản.	Thủy sản	
106	Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.	Thủy sản	
107	Thủ tục cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá tra thương phẩm	Thủy sản	
108	Thủ tục cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá tra thương phẩm	Thủy sản	
109	Thủ tục đăng ký nuôi cá tra thương phẩm	Thủy sản	
110	Thủ tục cấp phép nhập khẩu tàu cá đóng mới	Thủy sản	
111	Thủ tục cấp phép nhập khẩu tàu cá đã qua sử dụng	Thủy sản	
112	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	Thủy sản	
113	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn	Thủy sản	
114	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Thủy sản	
115	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn	Thủy sản	
116	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, hỏng thất lạc hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	Thủy sản	
117	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu	Thủy sản	
118	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu giữ	Thủy sản	

	thủy sinh vật ngoại lai		
119	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nuôi, giữ, chăm sóc	Thủy sản	
120	Thủ tục xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	Thủy sản	
121	Thủ tục chứng nhận thủy sản khai thác	Thủy sản	
122	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 điều 1 quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ban hành kèm theo quyết định 55/2004/QĐ-BNN.	Thủy lợi	
123	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
124	Thủ tục cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh: hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
125	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (trừ các trường hợp sau: a) các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
126	Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
127	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ	Thủy lợi	

	ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.		
128	Thủ tục gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
129	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
130	Thủ tục phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn	Phát triển nông thôn	
131	Thủ tục phê duyệt dự án hoặc phương án cánh đồng lớn	Phát triển nông thôn	
132	Thủ tục xác nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Nông thôn mới	
133	Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	Nông thôn mới	
134	Thủ tục công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới	Nông thôn mới	
135	Thủ tục xét tặng giải thưởng bông lúa vàng việt nam.	Khác	
A.2	TTHC CẤP HUYỆN		
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh.	Thú y	
2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh.	Thú y	
3	Thủ tục cải tạo rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.	Lâm nghiệp	
4	Thủ tục cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	Lâm nghiệp	
5	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
6	Thủ tục phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
7	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
8	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác, tận thu các loại lâm sản	Lâm nghiệp	

	ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản có trong danh mục quản lý cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).		
9	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
10	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
11	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên).	Lâm nghiệp	
12	Thủ tục khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).	Lâm nghiệp	
13	Thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn).	Lâm nghiệp	
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Lâm nghiệp	
15	Thủ tục xác nhận của hạt kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu.	Lâm nghiệp	
16	Thủ tục xác nhận của hạt kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến của tổ chức, cá nhân xuất ra; động vật rừng	Lâm nghiệp	

	gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu chưa qua chế biến của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh.		
17	Thủ tục thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.	Lâm nghiệp	
18	Thủ tục giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.	Lâm nghiệp	
19	Thủ tục giao rừng cho hộ gia đình cá nhân.	Lâm nghiệp	
20	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện (chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn).	Lâm nghiệp	
21	Thủ tục cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Lâm nghiệp	
22	Thủ tục cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường không vì mục đích thương mại.	Lâm nghiệp	
23	Thủ tục xác nhận nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ thuộc thẩm quyền của hạt kiểm lâm huyện hoặc chi cục kiểm lâm (nơi không có hạt kiểm lâm huyện).	Lâm nghiệp	
24	Thủ tục xác nhận của Hạt Kiểm lâm Khu rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm Khu rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong Khu rừng đặc dụng, Khu rừng phòng hộ và cây sau	Lâm nghiệp	

	xử lý tịch thu theo thẩm quyền xử lý của mình.		
25	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	Lâm nghiệp	
26	Thủ tục đăng ký nuôi bổ sung loài động vật thông thường vì mục đích thương mại	Lâm nghiệp	
27	Thủ tục đóng dấu búa kiểm lâm	Lâm nghiệp	
28	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 điều 1 quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ban hành kèm theo quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ nông nghiệp và PTNT.	Thủy lợi	
29	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
30	Thủ tục cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
31	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (trừ các trường hợp sau: a) các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
32	Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không	Thủy lợi	

	gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.		
33	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Thủy lợi	
34	Thủ tục bố trí, ổn định dân cư trong huyện	Phát triển nông thôn	
35	Thủ tục bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Phát triển nông thôn	
36	Thủ tục bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh	Phát triển nông thôn	
37	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	Phát triển nông thôn	
38	Thẩm định, phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch thuộc Chương trình 30a	Phát triển nông thôn	
39	Thủ tục đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	Nông thôn mới	
A.3	TTHC CẤP XÃ		
1	Thủ tục cấp sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng	Chăn nuôi	
2	Thủ tục phê duyệt, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa		
3	Thủ tục đăng ký khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	
4	Thủ tục đăng ký khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
5	Thủ tục đăng ký khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán	Lâm nghiệp	
6	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với rừng trồng	Lâm nghiệp	

	tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của tổ chức, hộ gia đình		
7	Thủ tục đăng ký khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).	Lâm nghiệp	
8	Thủ tục đăng ký khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	
9	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư).	Lâm nghiệp	
10	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng).	Lâm nghiệp	
11	Thủ tục xác nhận của chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra.	Lâm nghiệp	
12	Thủ tục xác nhận nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.	Lâm nghiệp	
13	Thủ tục công nhận nghề truyền thống.	Chế biến NLS và nghề muối	
14	Thủ tục công nhận làng nghề.	Chế biến NLS và nghề muối	
15	Thủ tục công nhận làng nghề truyền thống.	Chế biến NLS và nghề muối	
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	Phát triển nông thôn	
17	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại.	Phát triển nông thôn	
18	Thủ tục xác nhận việc thực hiện hợp	Phát triển nông	

	đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	thôn	
--	------------------------------------	------	--